

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí
trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí năm 2001;

Căn cứ Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/03/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 15/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa VIII, kỳ họp thứ 12 về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng tiền phí, lệ phí thu được trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 174/TTr-STC ngày 06 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng chịu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô

Chủ phương tiện có nhu cầu trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị.

Điều 3. Đối tượng không chịu phí trông giữ xe đạp

Học sinh có nhu cầu trông giữ xe đạp tại các trường tiểu học, trường phổ thông cơ sở.

Điều 4. Mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô

1. Mức thu

Nội dung thu	Mức thu
1. Tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện công cộng do Nhà nước đầu tư là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước	
Ban ngày	
+ Xe đạp, xe đạp điện	2.000 đồng/lượt
+ Xe máy, xe máy điện	4.000 đồng/lượt
+ Xe cơ giới 3 bánh (thay thế xe lôi máy)	6.000 đồng/lượt
+ Xe ô tô khách, ô tô chuyên dùng:	
• Từ 4-9 chỗ ngồi	7.000 đồng/chiếc/ lượt
• Trên 9 chỗ ngồi	15.000 đồng/chiếc/ lượt
+ Xe ô tô vận tải hàng hóa	
• Từ 2,5 tấn trở xuống	7.000 đồng/chiếc/ lượt
• Trên 2,5 tấn	15.000 đồng/chiếc/ lượt
- Ban đêm/ngày đêm:	
+ Xe đạp, xe đạp điện:	3.000 đồng/lượt
+ Xe máy, xe máy điện	6.000 đồng/lượt
+ Xe cơ giới 3 bánh (thay thế xe lôi máy)	10.000 đồng/lượt
+ Xe ô tô khách, ô tô chuyên dùng:	
• Từ 4-9 chỗ ngồi	12.000 đồng/chiếc/ lượt
• Trên 9 chỗ ngồi	22.000 đồng/chiếc/ lượt
+ Xe ô tô vận tải hàng hóa:	
• Từ 2,5 tấn trở xuống	12.000 đồng/chiếc/ lượt
• Trên 2,5 tấn	22.000 đồng/chiếc/ lượt
- Mức thu phí theo tháng:	50 lần mức thu ban ngày
<u>Riêng tại khu vực Trường học:</u>	
- Ban ngày:	
+ Xe đạp, xe đạp điện	500 đồng/chiếc/ lượt
+ Xe máy, xe máy điện	1.000 đồng/chiếc/ lượt
- Ban đêm/ngày đêm:	
+ Xe đạp, xe đạp điện	1.000 đồng/chiếc/ lượt
+ Xe máy, xe máy điện	2.000 đồng/chiếc/ lượt
<u>Riêng tại khu vực Siêu Thị:</u>	
- Ban ngày:	
+ Xe đạp, xe đạp điện	Tối đa 1.000 đồng/chiếc/ lượt

Nội dung thu	Mức thu
+ Xe máy, xe máy điện	Tối đa 2.000 đồng/chiếc/ lượt
+ Xe cơ giới 3 bánh (thay thế xe lô máy)	Tối đa 4.000 đồng/chiếc/ lượt
- Ban đêm/ngày đêm:	
+ Xe đạp, xe đạp điện	Tối đa 2.000 đồng/chiếc/ lượt
+ Xe máy, xe máy điện	Tối đa 3.000 đồng/chiếc/ lượt
+ Xe cơ giới 3 bánh (thay thế xe lô máy)	Tối đa 6.000 đồng/chiếc/ lượt
<u>Riêng tại khu vực Bệnh viện, Tram xá, Chợ:</u>	
- Ban ngày:	
+ Xe đạp, xe đạp điện	1.000 đồng/chiếc/ lượt
+ Xe máy, xe máy điện	2.000 đồng/chiếc/ lượt
+ Xe cơ giới 3 bánh (thay thế xe lô máy)	4.000 đồng/chiếc/ lượt
- Ban đêm/ngày đêm:	
+ Xe đạp, xe đạp điện	2.000 đồng/chiếc/ lượt
+ Xe máy, xe máy điện	3.000 đồng/chiếc/ lượt
+ Xe cơ giới 3 bánh (thay thế xe lô máy)	6.000 đồng/chiếc/ lượt
<u>Tại Núi Bà Đen:</u>	
- Xe đạp, xe đạp điện	2.000 đồng/chiếc/ lượt
- Xe máy, xe máy điện:	8.000 đồng/chiếc/ lượt
- Xe ô tô từ 4-9 chỗ ngồi	10.000 đồng/chiếc/ lượt
- Xe ô tô trên 9 chỗ ngồi	20.000 đồng/chiếc/ lượt
2. Tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện không do Nhà nước đầu tư là khoản thu không thuộc NSNN:	
<u>Tại Núi Bà Đen và Khu du lịch Long Điền Sơn:</u>	
- Xe đạp, xe đạp điện	2.000 đồng/chiếc/ lượt
- Xe máy, xe máy điện	8.000 đồng/chiếc/ lượt
- Xe ô tô từ 4-9 chỗ ngồi	10.000 đồng/chiếc/ lượt
- Xe ô tô trên 9 chỗ ngồi	20.000 đồng/chiếc/ lượt
<u>Các điểm đỗ, bãi trông giữ còn lại</u>	Bằng mức quy định chung

2. Thời gian

- a) Ban ngày: Từ 06 giờ đến trước 19 giờ.
- b) Ban đêm: Từ 19 giờ đến trước 06 giờ hôm sau.

Điều 5. Quản lý và sử dụng phí

1. Phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện không do Nhà nước đầu tư là khoản thu không thuộc Ngân sách nhà nước.

Tổ chức, cá nhân thu phí không thuộc Ngân sách nhà nước có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền phí sau khi đã nộp thuế theo quy định tại phần D, Mục III, Thông tư số

63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

2. Phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện do Nhà nước đầu tư

a) Phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện do Nhà nước đầu tư là khoản thu thuộc Ngân sách nhà nước.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi chung là cơ quan thu) phải thực hiện:

- Tổ chức thu, nộp phí theo đúng quy định tại quyết định này. Thông báo (hoặc niêm yết công khai) mức thu phí tại nơi thu phí.

- Đối với các tổ chức, cơ quan nhà nước khi thu phí phải cấp biên lai thu phí cho người nộp tiền.

- Mở sổ kế toán theo dõi số thu, nộp tiền phí theo đúng chế độ kế toán thống kê hiện hành.

b) Tỷ lệ phần trăm để lại đơn vị thu

Cơ quan thu phí được trích lại 100% tổng số phí thu được để chi phí cho công tác tổ chức thu và quản lý thu phí.

3. Việc thu, nộp, quản lý, sử dụng phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1211/2004/QĐ-UB ngày 20/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành mức thu và quản lý sử dụng tiền phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô; Quyết định số 97/2008/QĐ-UBND ngày 19/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc điều chỉnh mức thu phí trông giữ xe mô tô, xe gắn máy tại Khu Di tích lịch sử Núi Bà; Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc điều chỉnh mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng các Sở, ngành có liên

quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - BTP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UB.MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 7;
- LĐVP, CVK;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, VP.UBND tỉnh. *Ưm*

Như b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Qu*
KT. CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Lưu Quang
Trần Lưu Quang